

**Phụ lục I**  
**CẤU TRÚC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP TỈNH**

(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /3/2022 của Sở GD&ĐT)

**1. MÔN TOÁN**

*Đề thi gồm 5 câu thang điểm 20, thời gian 150 phút, có thể phân bố như sau:*

**Câu 1: Đại số (4 điểm)**

- Biến đổi đại số về lũy thừa, căn thức, trị tuyệt đối.
- Rút gọn, chứng minh đẳng thức, bất đẳng thức.
- Tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của biểu thức.
- Tìm x,y ... thoả điều kiện cho trước.

**Câu 2: Đại số (5 điểm)**

- Giải phương trình, bất phương trình, hệ phương trình.
- Giải toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình.
- Hàm số và đồ thị.

**Câu 3: Hình học: (5 điểm)**

- Tính chất hình học.
- Đẳng thức hình học về tam giác, tứ giác, đường tròn.

**Câu 4: Hình học: (3 điểm)**

- Bất đẳng thức hình học.
- Giá trị lớn nhất, nhỏ nhất hình học.
- Đại lượng không đổi.

**Câu 5: Tổng hợp: (3 điểm)**

Các dạng bài toán về Số học hoặc Đại số hoặc Hình học.

**2. MÔN VẬT LÝ**

*Đề thi gồm 5 câu thang điểm 20, thời gian 150 phút, có thể phân bố như sau:*

**Câu 1:** chuyển động cơ học (5 điểm)

**Câu 2:** Bài tập nhiệt (không sử dụng công thức liên quan đến nhiệt nóng chảy, nhiệt hóa hơi, năng suất tỏa nhiệt của nhiên liệu) (3 điểm)

**Câu 3:** Bài tập điện (5 điểm)

**Câu 4:** Mạch cầu (4 điểm)

**Câu 5:** Bài tập quang hình (3 điểm)

**3. MÔN HOÁ HỌC**

*Đề thi gồm 5 câu, thang điểm 20, thời gian 150 phút, có thể phân bố như sau:*

**Câu 1:** Cấu tạo nguyên tử - Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học (2 điểm).

**Câu 2:** Các loại hợp chất vô cơ: oxit, axit, bazơ, muối – phân bón hoá học (6 điểm).

**Câu 3:** Kim loại – Phi kim (5 điểm).

**Câu 4:** Hợp chất hữu cơ: Hidrocacbon (3 điểm).

**Câu 5:** Bài tập tổng hợp: vô cơ, hữu cơ (4 điểm).

**4. MÔN SINH HỌC**

*Đề thi theo thang điểm 20, thời gian 150 phút, có thể phân bố như sau:*

- **Lý thuyết: (4,0 điểm)**
- + Chương I. Sinh vật và môi trường (4 bài) (2 điểm)
- + Chương II. Hệ sinh thái (4 bài) (2 điểm)
- **Vận dụng và bài tập: (16,0 điểm)**
- + Chương I: Nhiễm sắc thể (4 điểm)
- + Chương II: Các thí nghiệm của Mendel (Các quy luật di truyền của Mendel) (3 điểm)
- + Chương III: ADN và gen (4 điểm)
- + Chương IV: Biến dị (3 điểm)
- + Chương V: Di truyền học người (2 điểm)

*Lưu ý: Phần bài tập phải thể hiện được nội dung kiến thức trọng tâm của chương trình sinh học 9 và đảm bảo đúng chuẩn kiến thức kỹ năng (chuẩn tối đa phải dựa trên chuẩn tối thiểu).*

### **5. MÔN TIN HỌC**

*Đề thi gồm 3 câu, thang điểm 20, thời gian 150 phút, có thể phân bố như sau:*

**Câu 1:** Xử lý số, xử lý chuỗi, qui luật (7 điểm).

**Câu 2:** Xử lý số, xử lý chuỗi, qui luật (7 điểm).

**Câu 3:** Bài toán tổng hợp về qui luật, tìm kiếm, đệ qui, quy hoạch động với dữ liệu vào từ file văn bản về số, chuỗi, mảng (6 điểm).

**Lưu ý:** Chấm bài thi môn Tin học theo Test, nên cần ghi rõ các phương án làm Test ở đáp án.

### **6. MÔN NGỮ VĂN**

*Đề thi theo thang điểm 20, thời gian 150 phút, có thể phân bố như sau:*

**I/ Phần đọc - hiểu:** (8,0 điểm): kiến thức toàn cấp học

- Kiểm tra kiến thức đọc hiểu (4,0 điểm).

- Viết đoạn văn (4,0 điểm).

**II/ Làm văn:** (12,0 điểm).

Nghị luận văn học hoặc nghị luận xã hội.

### **7. MÔN LỊCH SỬ**

*Thang điểm 20, thời gian 150 phút, gồm 7 câu, có thể phân bố như sau:*

**Câu 1:** Lịch sử thế giới giai đoạn 1917 – 1945 (2,0 điểm).

- Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

- Nước Mĩ và Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới ( 1918-1939).

- Chiến tranh thế giới thứ hai(1939-1945).

**Câu 2:** Lịch sử thế giới giai đoạn 1945 – 2000 (4,0 điểm).

- Các nước Châu Á, các nước Đông Nam Á, các nước Mĩ La-tinh.

- Nước Mĩ, Nhật Bản.

- Trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Những thành tựu chủ yếu và ý nghĩa lịch sử của cách mạng khoa học-kỹ thuật.

**Câu 3:** Lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII (3,0 điểm).

- Chủ đề: Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X.
- Nhà Lý đẩy mạnh công cuộc xây dựng đất nước.
- Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075-1077).
- Chủ đề: Đại Việt dưới thời nhà Trần.
- Nước Đại Việt thời Lê sơ (1428-1527).
- Phong trào Tây Sơn.

**Câu 4:** Lịch sử Việt Nam giai đoạn 1858 – 1918 (2,0 điểm).

- Cuộc kháng chiến từ năm 1858 đến năm 1873.
- Phong trào Cần Vương, khởi nghĩa Yên Thế.
- Chủ đề: Những chuyển biến kinh tế xã hội ở Việt Nam và phong trào yêu nước chống Pháp từ đầu thế kỉ XX đến năm 1918.

**Câu 5:** Lịch sử Việt Nam giai đoạn 1919 – 1930 (3,0 điểm).

- Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919-1925.
- Chủ đề: Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng cộng sản ra đời – Đảng cộng sản Việt Nam thành lập.

**Câu 6:** Lịch sử Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945 (3,0 điểm).

- Phong trào cách mạng 1930-1931 và phong trào 1936-1939.
- Cao trào cách mạng tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.
- Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**Câu 7:** Lịch sử Việt Nam giai đoạn 1945 – 1954 (3,0 điểm).

- Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945-1946).
- Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950).
- Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1950-1953).
- Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc (1953-1954).

*\*Lưu ý: không ra đề những phần giảm tải, đọc thêm và khuyến khích học sinh tự học.*

## 8. MÔN ĐỊA LÝ

**Đề thi gồm 06 câu:**

**\* Địa lí 6:**

**Câu 1: (3,0 điểm)**

- Tỷ lệ bản đồ.
- Sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả.
- Sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.
- Hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo mùa.

**\* Địa lí 8:**

**Câu 2: (3,0 điểm)**

- Địa hình Việt Nam.
- Khí hậu Việt Nam.

**Câu 3: (2,0 điểm)**

- Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
- Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

**\* Địa lí 9:****Câu 4: (4,0 điểm)**

Địa lí dân cư: (Dân số và Gia tăng dân số; Phân bố dân cư và các loại hình quần cư; Lao động và việc làm. Chất lượng cuộc sống).

**Câu 5: (4,0 điểm)**

Địa lí kinh tế: (Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam; Sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thủy sản; Sự phát triển và phân bố công nghiệp; Vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố của dịch vụ).

**Câu 6: (4,0 điểm)**

Sự phân hoá lãnh thổ: (vùng Đồng bằng sông Hồng; vùng Tây Nguyên; vùng Đông Nam Bộ; vùng Đồng bằng sông Cửu Long).

**Biểu đồ:** Vẽ, nhận xét các dạng biểu đồ học sinh đã được học. Ghi rõ nguồn dẫn số liệu trong đề thi.

Học sinh được sử dụng Atlas khi làm bài (trong đề kiểm tra phải ghi rõ học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam - NXB GD).

**9. MÔN TIẾNG ANH**

*Cấu trúc đề thi gồm 4 phần: thang điểm 20, thời gian 150 phút, có thể được phân bố như sau:*

**PART I: LISTENING (5điểm):** Gồm 2 phần

I/ Nghe đoạn văn/ hội thoại chọn câu trả lời đúng nhất (A,B, C hoặc C) cho các câu hỏi (5 câu) (2,5 điểm)

II/ Nghe đoạn văn/ hội thoại để điền từ đúng vào chỗ trống (5 chỗ trống) (2,5 điểm)

**PART II: READING COMPREHENSION (5 điểm):** Gồm 2 đoạn văn

I/ Đọc đoạn văn chọn câu trả lời đúng nhất (A,B, C hoặc D) cho các câu hỏi bên dưới (5 câu) (2,5 điểm)

II/ Đọc đoạn văn , điền một từ phù hợp nhất vào chỗ trống (10 chỗ trống) (2,5 điểm)

**PART III: LANGUAGE FOCUS (5điểm)**

Gồm 3 phần

I/ Sử dụng đúng các thì hay hình thức của động từ cho sẵn trong ngoặc (Tense or form of the verb) (8 câu) (2 điểm)

II/ Sử dụng các hình thức đúng của từ đã cho (form of the word) (6 câu) (1,5 điểm)

III/ Điền giới từ (prepositions) vào chỗ trống cho thích hợp (6 câu) (1,5 điểm)

**PART IV: WRITING (5 điểm):** Gồm 2 phần

I/ Viết lại câu theo yêu cầu gợi ý (8 câu) (2 điểm)

II/ Viết theo chủ đề:

Viết một bức thư hoặc một đoạn văn tranh luận về một vấn đề được nêu ra (khoảng 100 đến 120 từ) (3 điểm).

## **10. MÔN GDCD**

### **A. Nội dung của lớp 6:**

- Yêu thương con người.
- Siêng năng, kiên trì.
- Tôn trọng sự thật.
- Tự nhận thức bản thân.
- Ứng phó với các tình huống nguy hiểm

### **B. Nội dung của lớp 7, 8, 9:**

#### **- Chủ đề đạo đức:**

- + Chủ đề sống có kỷ luật.
- + Chủ đề sống hội nhập.
- + Chủ đề sống chủ động, sáng tạo.

#### **- Chủ đề Pháp luật:**

- + Chủ đề quyền trẻ em, quyền và nghĩa vụ công dân trong gia đình.
- + Chủ đề quyền và nghĩa vụ công dân, về trật tự, an toàn, xã hội.

**Lưu ý:** Không ra đề đối với những nội dung: *hướng dẫn học sinh tự đọc, tự học, tự làm, tự thực hiện, không yêu cầu; những nội dung yêu cầu học sinh thực hành, thí nghiệm.*

**Phụ lục II**  
**MẪU ĐĂNG KÝ SỐ LƯỢNG THÍ SINH DỰ THI**

(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /3/2022 của Sở GD&ĐT)

UBND ....(SỞ GD&ĐT ...)  
PGD&ĐT (TRƯỜNG THPT) .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: / ..... , ngày tháng năm 2022  
v/v thông tin về kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh,  
năm học 202...-202...

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo Long An  
(Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục);
- Trường THPT.....

**1. Các đội tuyển: cấp THCS**  **cấp THPT**  (đánh dấu x cấp tương ứng)

Đội tuyển	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	Tổng cộng
Số lượng											

**2. Thông tin về Hội đồng thi:**

- Thi tại Hội đồng thi (xem phụ lục IX): .....
- Cán bộ/GV phụ trách kỳ thi của đơn vị: .....
- Điện thoại di động: .....

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

**Ghi chú:** Scan gửi qua email [phongktd.solongan@moet.edu.vn](mailto:phongktd.solongan@moet.edu.vn) (không cần gửi văn bản giấy) **trước 29/3/2022.**

**Phụ lục III****QUY ĐỊNH SỐ BÁO DANH CHO CẤP THCS/THPT**

(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /3/2022 của Sở GD&amp;ĐT)

**1. Số báo danh thí sinh**

- Đối với mỗi môn thi của cấp THCS: tên thí sinh được xếp theo thứ tự a,b,c,... và gán số thứ tự từ 01 đến hết số thí sinh dự thi của mỗi môn thi trong huyện.
- Đối với mỗi môn thi của cấp THPT: tên thí sinh được xếp theo thứ tự a,b,c,... và gán số thứ tự từ 01 đến hết số thí sinh dự thi của tất cả các trường dự thi trong Hội đồng thi.
- Gán số báo danh từ nhỏ đến lớn; mỗi số báo danh gồm 06 chữ số với các thành phần A(hoặc B)XXYZZ. Trong đó :
  - + A: nếu thí sinh là THCS; B nếu thí sinh là THPT
  - + XX gồm 02 chữ số, là mã số Hội đồng thi.
  - + Y gồm 01 chữ số, là mã số của môn thi
  - + ZZ gồm 02 chữ số, là 02 chữ số thứ tự của thí sinh trong mỗi môn thi.

Ví dụ: Số báo danh là **A15301**: trong đó A là HS cấp THCS, 15 là mã số của Hội đồng THPT Cần Giuộc, 3 là mã số của môn Vật lý, 01 là thứ tự của thí sinh trong đội tuyển bộ môn Vật lý THCS; Số báo danh **B07019**: B là HS cấp THPT, 07 là mã Hội đồng THPT Tân An, 0 là môn Tin học, 19 là số thứ tự thí sinh môn Tin học của hội đồng.

**2. Mã đơn vị dự thi:**

Huyện/Hội đồng thi	Mã số	Huyện/Hội đồng thi	Mã số
Tân Hưng/THPT Tân Hưng	01	Tân Trụ/THPT Tân Trụ	09
Vĩnh Hưng/THPT Vĩnh Hưng	02	Thủ Thừa/THPT Thủ Thừa	10
Kiến Tường/THPT Kiến Tường	03	Bến Lức/THPT Nguyễn Hữu Thọ	11
Mộc Hoá/THCS&THPT Bình Phong Thạnh	04	Đức Hoà/THPT Hậu Nghĩa	12
Tân Thạnh/THPT Tân Thạnh	05	Đức Huệ/THPT Đức Huệ	13
Thạnh Hoá/THPT Thạnh Hóa	06	Cần Đước/THPT Cần Đước	14
TP. Tân An/THPT Tân An	07	Cần Giuộc/THPT Cần Giuộc	15
Châu Thành/THPT Nguyễn Thông	08		

**3. Mã môn thi:**

Môn	Mã số môn	Môn	Mã số môn
Ngữ văn	1	Lịch Sử	6
Toán	2	Địa Lý	7
Vật Lý	3	Giáo dục công dân	8 (THCS)
Hoá Học	4	Tiếng Anh	9
Sinh Học	5	Tin Học	0

**Phụ lục IV***(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /3/2022 của Sở GD&ĐT)*

Kỳ thi HSG cấp tỉnh năm học: .....

Hội đồng coi thi.....

**BẢNG GHI TÊN DỰ THI**  
PHÒNG THI SỐ: .....

Tt	SBD	Chữ ký thí sinh	Họ và tên	Ngày sinh			Nơi sinh (tỉnh)	Nam /Nữ	Hạng kiểm	Học lực	Trường	Môn thi	Huyện
				Ngày	Tháng	Năm							
1			Không tách riêng 02 cột họ tên				Long An						
2													
3													
4													
5													
6													
7													
8													
9													
10													

Danh sách này gồm .....thí sinh  
đủ hồ sơ hợp lệ và điều kiện dự thi

Danh sách này gồm .....thí sinh  
đủ hồ sơ hợp lệ và điều kiện dự thi  
....., ngày tháng năm 20...  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI**  
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

**+ Lưu ý: lập riêng 02 bản/mỗi môn thi cho học sinh ký tên khi dự thi**

**Phụ lục V***(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /3/2022 của Sở GD&ĐT)***DANH SÁCH CÁC ĐỘI TUYỂN  
DỰ THI KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH  
NĂM HỌC: .....***(Kèm Quyết định số: /QĐ-PGDĐT ngày tháng ... năm 2022 của Phòng GD&ĐT .....*)

Tt	Họ và tên	Ngày sinh			Nơi sinh (tỉnh)	Nam /Nữ	Hạng kiểm	Học lực	Trường	Môn thi
		Ngày	Tháng	Năm						
1	Không tách riêng 02 cột họ tên				Long An	Nam				Toán
2					Tiền Giang	Nữ				...
...						0				
						±				Vật lý
										...
										Hóa học
										...
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...

Danh sách này có ..... học sinh.

**Lưu ý:**

- + Cột “Nơi sinh”: chỉ ghi Tỉnh/Thành phố;
- + Cột Nam/Nữ: ghi Nam hay Nữ (không ghi 0/1)
- + Cột “Môn thi”: ghi theo môn thi.
- + Lập chung cho các môn.



**Phụ lục VII***(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /3/2022 của Sở GD&ĐT)*

Kỳ thi HSG cấp tỉnh

**PHIẾU THU BÀI**

Năm học: .....

PHÒNG THI SỐ: ...

Đơn vị dự thi: .....

Tt	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh			Số tờ	Bằng chữ	Ký tên	Môn thi
			Ngày	Tháng	Năm				
1	Không tách riêng 02 cột họ tên								
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									

Tổng số bài thi: ..... Bằng chữ .....

Tổng số tờ: ..... Bằng chữ .....

Giám thị 1 ..... Ký tên .....

Giám thị 2 ..... Ký tên .....

**+ Lưu ý:** phiếu thu bài lập 02 bản/1 môn thi (phòng thi ghép nhiều môn thi thì lập riêng theo từng môn thi, mỗi môn 2 bản), 01 bản niêm phong trong phong bì bài thi, 01 bản gửi kèm hồ sơ thi.

**Phụ lục VIII**

(Kèm Công văn số: /SGDDT-KTQLCL ngày /3/2022 của Sở GD&amp;ĐT)

UBND ....(SỞ GD&ĐT ...)  
PGD&ĐT (TRƯỜNG THPT) .....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**Số: / ..... , ngày tháng năm 2022  
V/v Đề nghị CB, GV tham gia công tác chấm thi,  
ra đề thi học sinh giỏi cấp tỉnh  
năm học 2021-2022

Kính gửi: Phòng KT&amp;QLCLGD, Sở Giáo dục và Đào tạo Long An.

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÁN BỘ, GIÁO VIÊN  
THAM GIA HỘI ĐỒNG CHẤM THI, RA ĐỀ THI  
HỌC SINH GIỎI CÁC MÔN VĂN HOÁ CẤP TỈNH  
NĂM HỌC 202... - 202...****1. Danh sách đề nghị cán bộ, giáo viên tham gia hội đồng chấm thi**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Chấm thi	Số điện thoại di động
1				Ngữ văn	
2					
3				Lịch sử	
4					
5				Địa lí	
6					
7				GD&ĐT	
8					
8				Tiếng Anh	
10					
11				Toán	
12					
13				Vật lí	
14					
15				Hoá học	
16					
17				Sinh học	
18					
19				Tin học	
20					

**2. Danh sách đề nghị cán bộ, giáo viên tham gia ra đề thi**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Ra đề	Số điện thoại di động
1				Ngữ văn	
2					
3				Lịch sử	
4					
5				Địa lí	
6					
7				GD&ĐT	
8					
8				Tiếng Anh	
10					
11				Toán	
12					
13				Vật lí	
14					
15				Hoá học	
16					
17				Sinh học	
18					
19				Tin học	
20					

Danh sách có 20 CB, GV.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, ...

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ghi rõ họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

**Lưu ý: Gửi về Sở GD&ĐT trước 29/3/2022.**

**Phụ lục IX***(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /3/2022 của Sở GD&ĐT)***DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐẶT HỘI ĐỒNG THI HỌC SINH GIỎI  
NĂM HỌC 2021-2022**

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>
1	THPT Tân Hưng	9	THPT Tân Trụ
2	THPT Vĩnh Hưng	10	THPT Thủ Thừa
3	THPT Kiến Tường	11	THPT Nguyễn Hữu Thọ
4	THCS&THPT Bình Phong Thạnh	12	THPT Hậu Nghĩa
5	THPT Tân Thạnh	13	THPT Đức Huệ
6	THPT Thạnh Hóa	14	THPT Cần Giuộc
7	THPT Tân An	15	THPT Cần Đước
8	THPT Nguyễn Thông		

**Phụ lục X**

(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /3/2022 của Sở GD&amp;ĐT)

PHÒNG/SỞ GD&ĐT ...  
TRƯỜNG THCS/THPT .....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**PHIẾU BÁO KẾT QUẢ HỌC TẬP HK1  
NĂM HỌC .....***(Thay thế học bạ)*

Họ và tên học sinh: .....

Ngày sinh: .....

Nơi sinh : .....

Giới tính: ..... Dân tộc: .....

Lớp : ..... Ban: .....

Thuộc đội tuyển môn: .....

Môn học		Điểm trung bình/Nhận xét đánh giá
Toán		
Vật lí		
Hoá học		
Sinh học		
Tin học		
Ngữ văn		
Lịch sử		
Địa lí		
Ngoại ngữ		
Công nghệ		
GDQP-AN		
Thể dục		
GDCCD		
Âm nhạc		
Mỹ thuật		
Tự chọn	NN2	
	Nghề PT	
<b>Điểm TB các môn học</b>		

Kết quả xếp loại cả năm: Học lực: ..... Hạnh kiểm .....

....., ngày .... tháng .... năm .....

**HIỆU TRƯỞNG***(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:** Dùng chung cho THCS/THPT  
nếu học sinh không học môn  
nào thì đánh dấu X cột điểm môn đó.

**Phụ lục XI***(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /3/2022 của Sở GD&ĐT)***MẪU CÁC CỘT DỮ LIỆU TRÊN ĐĨA CD GỬI VỀ SỞ (HỘI ĐỒNG CHẤM)**

Tt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh			Nơi sinh (tỉnh)	Nam /Nữ	Hạng kiểm	Học lực	Trường	Môn thi	Huyện	Phòng thi
			Ngày	Tháng	Năm								
1	A13201	<b>Không tách riêng 02 cột họ tên</b>	15	6	20	Long An					Toán		1
	..										...		
	A13301										Vật lý		5
	..										...		
	A13401										Hóa học		10
	..										...		

**Chú ý:** Lập 1 sheet trong excel chung cho tất cả các môn, sau khi sắp xếp số báo danh, phòng thi, ... có đủ thông tin như mẫu

**Phụ lục XII**

UBND ....(SỞ GD&ĐT ...)  
PGD&ĐT (TRƯỜNG THPT) .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....  
(Kèm Công văn số: /SGDDT-KTQLCL ngày /3/2022 của Sở GD&ĐT)

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ LÃNH ĐẠO, GIÁO VIÊN THAM GIA COI THI  
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC BỘ MÔN VĂN HÓA  
CẤP TỈNH, NĂM HỌC .....**

stt	Họ và tên	Trường	Chuyên môn	Số điện thoại di động	Đề nghị nhiệm vụ
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.					CT/PCT
2.					Thư ký
3.					Giám thi
...					...
...					...

*Danh sách này có ..... (.....) cán bộ, giáo viên./.*

Lưu ý:

- Tại cột (5): bắt buộc phải điền để Hội đồng thuận tiện phân công nhiệm vụ.
- Tại cột (6): bắt buộc phải điền để Hội đồng thuận tiện liên lạc.

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục XIII**

(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCL ngày /3/2022 của Sở GD&ĐT)

**CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH VÒNG 1****1. MÔN TOÁN**

Đề thi gồm 5 câu trên thang điểm 20.

**Câu 1: (5 điểm)** Đại số

- Phương trình đại số; phương trình chứa giá trị tuyệt đối; phương trình chứa căn bậc 2, căn bậc 3; phương trình lượng giác.

- Bất phương trình, hệ phương trình, hệ bất phương trình đại số; Bất phương trình, hệ phương trình, hệ bất phương trình chứa giá trị tuyệt đối; Bất phương trình, hệ phương trình, hệ bất phương trình chứa căn bậc 2, căn bậc 3.

**Câu 2: (5 điểm)** Hình học

- Hình học tổng hợp trong mặt phẳng: Hệ thức lượng, áp dụng phép biến hình tìm quỹ tích.

- Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng.

**Câu 3: (4 điểm)** Giải tích

- Tính chất dãy số, giới hạn dãy số, giới hạn hàm số.

**Câu 4: (3 điểm):** Bất đẳng thức, giá trị lớn nhất, nhỏ nhất.

**Câu 5: (3 điểm):** Tổ hợp và xác suất

-Quy tắc đếm.

-Hoán vị-chỉnh hợp-tổ hợp.

-Nhị thức Newton và ứng dụng.

-Các bài toán tính xác suất.

**Ghi chú:** các câu của đề thi không sử dụng đạo hàm trong giải toán.

**2. MÔN VẬT LÝ****A- Nội dung thi:****1. Cơ học:**

- Động học chất điểm.

- Động lực học chất điểm.

- Tĩnh học vật rắn.

- Các định luật bảo toàn.

**2. Nhiệt học:**

- Các định luật và các phương trình của chất khí.

- Động cơ nhiệt.

- Hai nguyên lý của nhiệt động lực học.

- Máy làm lạnh.

**3. Điện từ:**

- Tĩnh điện.

- Dòng điện không đổi.

- Từ trường của dòng điện.

- Lực từ - Cảm ứng điện từ - Tự cảm.

**4. Quang hình:**

- Lăng kính.

- Bản mặt song song.

- Thấu kính.

- Thấu kính mỏng.

- Thấu kính dày.

- Quang hệ đồng trục.

**B. Cấu trúc đề thi:** Đề thi gồm 7 câu và được phân bố như sau:

**Câu 1 (3 điểm):** Động học chất điểm, động lực học chất điểm, tĩnh học vật rắn, các định luật bảo toàn.

**Câu 2 (2 điểm):** Động học chất điểm, động lực học chất điểm, tĩnh học vật rắn, các định luật bảo toàn.

**Câu 3 (3 điểm):** Nhiệt.

**Câu 4 (3 điểm):** Tĩnh điện.

**Câu 5 (3 điểm):** Dòng điện không đổi, từ trường của dòng điện, lực từ, cảm ứng điện từ, tự cảm.

**Câu 6 (3 điểm):** Quang hình.

**Câu 7 (3 điểm):** Phương án thực hành.

### 3. MÔN HÓA HỌC

**Đề thi gồm 6 câu, thang điểm 20 phân bố như sau:**

**Câu 1 (3đ):** Nguyên tử, bảng tuần hoàn, cấu tạo chất, phản ứng oxi hóa khử.

- Thành phần nguyên tử, đồng vị.
- Cấu hình electron nguyên tử, obitan nguyên tử, bộ số lượng tử.
- Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, sự biến đổi tuần hoàn.
- Liên kết hóa học: liên kết ion, liên kết cộng hóa trị, thuyết lai hóa.
- Phản ứng oxi hóa – khử.

**Câu 2 (3đ):** Tốc độ phản ứng, cân bằng hóa học, dung dịch

- Xác định bậc phản ứng; các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng; động học của phản ứng bậc 1.
- Sự chuyển dịch cân bằng hóa học, hằng số cân bằng.
- Thuyết điện li, phương trình ion.
- pH của dung dịch.

**Câu 3 (4đ):** Halogen, oxi, lưu huỳnh và hợp chất của chúng.

- Cấu hình electron, cấu tạo của đơn chất, hợp chất.
- Tính chất vật lí, tính chất hóa học, điều chế, ứng dụng.
- Thí nghiệm.
- Phương trình hóa học, sơ đồ chuyển hóa, nhận biết, tinh chế, ...
- Bài toán.

**Câu 4 (4đ):** Nitơ, photpho, cacbon, silic và hợp chất của chúng.

- Cấu hình electron, cấu tạo của đơn chất, hợp chất.
- Tính chất vật lí, tính chất hóa học, điều chế, ứng dụng.
- Thí nghiệm.
- Phương trình hóa học, sơ đồ chuyển hóa, nhận biết, tinh chế, ...
- Phân bón hóa học.
- Bài toán.

**Câu 5 (3đ):** Đại cương hữu cơ

- Phân tích định tính, định lượng.
- Xác định công thức phân tử hợp chất hữu cơ.
- Cấu trúc phân tử, đồng phân cấu tạo, đồng phân hình học, đồng phân quang học.

**Câu 6 (3đ):** Hidrocacbon

- Đồng đẳng, đồng phân và danh pháp.
- Cơ chế phản ứng thế, phản ứng cộng.
- Phương trình hóa học, sơ đồ chuyển hóa, điều chế, nhận biết, tinh chế, tách chất, ...
- Bài toán hidrocacbon.

### 4. MÔN SINH HỌC

Đề thi gồm 20 câu, thang điểm 20 được phân bố như sau:

- Sinh học tế bào (6 điểm)
- Vi sinh (4 điểm)
- Sinh lý thực vật (5 điểm)
- Sinh lý động vật (5 điểm)

### 5. MÔN TIN HỌC

Đề thi gồm 3 câu trên thang điểm 20

**Câu 1: (7 điểm)** Xử lý số, chuỗi

- Tìm kiếm, đếm các số thỏa một điều kiện.

- Phân tích số, chuỗi theo một yêu cầu.
- Tìm kiếm chuỗi con thoả điều kiện.
- Tách số và chuỗi.

**Câu 2: (7 điểm)** Xử lý mảng

- Tìm kiếm mảng con theo một điều kiện, tìm kiếm tuần tự, tìm kiếm nhị phân.
- Phân tích mảng theo một yêu cầu.
- Sắp xếp phần tử của mảng theo một yêu cầu.

**Câu 3: (6 điểm)** Bài toán qui luật

Các qui luật biến đổi số, chuỗi, mảng.

*Lưu ý: Đề thi có thể yêu cầu nhập, xuất dữ liệu từ file.*

## 6. MÔN NGỮ VĂN

**Đề thi:** gồm 2 phần phạm vi kiến thức: toàn chương trình Ngữ văn (nâng cao) THPT lớp 10, lớp 11 (trừ các bài đọc thêm)

**Câu 1 (8,0 điểm):** NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

- Nghị luận về tư tưởng, đạo lí.
- Nghị luận về hiện tượng đời sống.
- Nghị luận về vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.

**Câu 2 (12,0 điểm):** NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

- Nghị luận về tác phẩm văn học.
- Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

## 7. MÔN LỊCH SỬ

**Đề thi gồm 5 câu theo thang điểm 20 cho toàn bài**

**Câu 1 (4,0 điểm):** Lịch sử thế giới từ năm 1914 - 1945.

- Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.
- Hai cuộc chiến tranh thế giới trong thế kỉ XX.
- Các nước tư bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

**Câu 2 (4,0 điểm):** Lịch sử thế giới từ năm 1914 - 1945.

- Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.
- Hai cuộc chiến tranh thế giới trong thế kỉ XX.
- Các nước tư bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

**Câu 3 (4,0 điểm):** Lịch sử Việt Nam trung đại.

- Quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến (từ thế kỷ X đến thế kỷ XV).
- Kinh tế và văn hóa Đại Việt từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV.
- Cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ở các thế kỷ X - XV.
- Phong trào Tây Sơn và sự nghiệp thống nhất đất nước, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc ở cuối thế kỷ XVIII.

- Tình hình đất nước trong các thế kỷ XVI - XVIII.

- Tình hình đất nước vào nửa đầu thế kỷ XIX.

**Câu 4 (4,0 điểm):** Lịch sử Việt Nam cận đại.

- Quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.
- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam từ 1858 đến 1884.

**Câu 5 (4,0 điểm):** Lịch sử Việt Nam cận đại.

- Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XIX.

- Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- Buổi đầu hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành.

## 8. MÔN ĐỊA LÍ

**Kĩ năng:** Xử lí, phân tích, nhận xét số liệu.

**Câu 1:** (4,0 điểm)

- Các hệ quả chuyển động của Trái đất.
- Tác động của nội lực và ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.

**Câu 2:** (5,0 điểm)

- Khí quyển.
- Thủy quyển.

**Câu 3:** (3,0 điểm)

- Thổ nhưỡng quyển.
- Sinh quyển.

**Câu 4:** (4,0 điểm)

- Địa lí dân cư.
- Địa lí nông nghiệp.

**Câu 5:** (4,0 điểm)

- Địa lí công nghiệp.
- Địa lí dịch vụ.

## 9. MÔN TIẾNG ANH

Đề thi gồm 2 phần: phần Nghe và phần Đọc-Viết.

- Phần khảo sát kỹ năng Nghe chiếm tỷ trọng 20% nội dung đề (20 điểm/100 điểm) và phần khảo sát kỹ năng Đọc-Viết chiếm tỷ trọng 80% nội dung đề (80 điểm/100 điểm).
- Nội dung các phần được sắp xếp trong đề thi theo thứ tự sau: nội dung khảo sát kỹ năng Nghe nằm ở phần đầu của đề thi và tiếp đến là phần khảo sát kỹ năng Đọc-Viết.

### 1. Nội dung khảo sát kỹ năng Nghe (02 bài tập)

Máy ghi âm phát thanh tuần tự 02 bài tập, mỗi bài tập được nghe 02 lần, cụ thể như sau:

**a) Bài 1** gồm 04 đoạn đọc thoại hoặc hội thoại ngắn. Tương ứng với mỗi đoạn đọc thoại hoặc hội thoại này, thí sinh đọc được 03 hoặc 04 phương án để chọn 01 làm phần trả lời cho câu hỏi liên quan nội dung phát thanh.

**b) Bài 2** gồm 01 đoạn đọc thoại hoặc hội thoại dài. Thí sinh nghe và điền thông tin đúng vào 04 chỗ trống, mỗi chỗ trống có từ 01 đến 03 từ.

### 2. Nội dung khảo sát kỹ năng Đọc-Viết (06 bài tập)

**a) Bài 1.** Đọc một bài khóa kèm một số câu liên quan nội dung bài khóa chưa hoàn tất hoặc một số câu hỏi liên quan nội dung bài khóa, thí sinh viết để hoàn tất các câu trên.

**b) Bài 2.** Đọc một số câu hỏi và chọn 01 trong 04 phương án được cho trong mỗi câu để làm phần trả lời đúng nhất cho câu hỏi liên quan.

**c) Bài 3.** Đọc một bài khóa và chọn 01 trong 04 từ được cho để điền vào các chỗ khuyết trong bài khóa.

**d) Bài 4.** Đọc một bài khóa và điền từ thích hợp vào các chỗ khuyết trong bài khóa.

**đ) Bài 5.** Đọc một số câu và xác định chỗ sai trong từng câu.

**e) Bài 6.** Viết lại câu theo dạng khác, với yêu cầu vẫn giữ nội dung tương tự câu gốc được cho và theo số thứ tự hạn chế (gồm hai phần: có từ gợi ý và không có từ gợi ý).